

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2013

Số: *611* /QLCL-KN
V/v: Nhật Bản chỉ định chính thức
PKN của các Trung tâm vùng

Kính gửi:

- Các Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 1-6;
- Các Doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu thực phẩm nông lâm thủy sản đi Nhật Bản.

Thông qua Thương vụ Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật, Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản nhận được văn bản của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản (ngày 01/4/2013) gửi các Trung tâm kiểm dịch thực phẩm nhập khẩu của Nhật Bản thông báo về việc: Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản đã chỉ định các phòng kiểm nghiệm của 06 Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản trực thuộc Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản là phòng kiểm nghiệm của Nhật Bản tại nước ngoài và đăng tải danh sách tên, địa chỉ, mã số các phòng kiểm nghiệm của Việt Nam được chỉ định trên website của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản (*văn bản tiếng Nhật Bản và bản lược dịch kèm danh sách các phòng kiểm nghiệm được chỉ định gửi kèm*).

Theo hướng dẫn tại văn bản trên, việc cải tiến quy trình kiểm tra nhập khẩu của Nhật Bản được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 77, ngày 31/3/1982 của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản. Đối với các lô hàng thực phẩm của Việt Nam nhập khẩu vào Nhật Bản có kèm theo chứng nhận kết quả phân tích của các phòng kiểm nghiệm của các Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng, sẽ được đơn giản hóa (giảm) thủ tục kiểm tra nhập khẩu tại các Trung tâm kiểm dịch của Nhật Bản (trừ các chỉ tiêu có thể thay đổi trong quá trình vận chuyển như các chỉ tiêu vi sinh vật, độc tố nấm).

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong xuất khẩu thực phẩm vào Nhật Bản, Cục yêu cầu các đơn vị như sau:

1. Các Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng:
 - Phổ biến tới các doanh nghiệp chế biến thực phẩm nói chung và chế biến thủy sản nói riêng xuất khẩu đi Nhật Bản trên địa bàn quản lý của Trung tâm vùng về nội dung công văn này.
 - Lưu ý sử dụng đúng tên, địa chỉ và mã số phòng kiểm nghiệm theo những thông tin Nhật Bản đã chỉ định trên chứng nhận kết quả phân tích (mẫu kèm theo) cho lô hàng thực phẩm xuất khẩu đi Nhật Bản.
2. Các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu thực phẩm nông lâm thủy sản vào Nhật Bản:

MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT - SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
NATIONAL AGRO-FORESTRY-FISHERIES QUALITY ASSURANCE DEPARTMENT (NAFIQAD)
NATIONAL AGRO-FORESTRY-FISHERIES QUALITY ASSURANCE DEPARTMENT BRANCH

Address:.....

Approval code: VN1000...

Tel:

Fax:..... ..

E-mail:

CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
ANALYSIS CERTIFICATE

Số/Reference No:

I. Thông tin lô hàng (theo khai báo của khách hàng)/ *Consignment information*
(according to the information consignor's declaration):

Chủ hàng/Name of Consignor :	Người nhận/Name of Consignee:
Địa chỉ/Address:	Địa chỉ/Address :
Điện thoại/Tel :	Điện thoại/Tel :
Mô tả hàng hóa/Description of Goods :	
Khối lượng lô hàng/Quantity (kg):	
Mã số lô hàng/Lot number:	
Tên cơ sở sản xuất/Name of the Establishment :	
Địa chỉ/ Address :	
Mã số/Approval Number:	

II. This is to certify that :

Sản phẩm này đã được phân tích bởi NAFIQAD và phù hợp để sử dụng làm thực phẩm cho người (kết quả phân tích kèm theo)/*The products were analysed by NAFIQAD and fit for human consumption (analysis results are attached herewith).*

Ngày cấp/Date of issue:.....

(Ký tên, đóng dấu/Signature, stamp)

Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi xã hội
Cục Dược phẩm, thực phẩm
Phòng An toàn thực phẩm
Trưởng phòng chính sách an toàn thực
phẩm nhập khẩu - Bộ phận giám sát an
toàn
Trưởng phòng quản lý hành chính - Bộ
phần kế hoạch thông tin

Công văn số 0401.2
Ngày 1/4/2013

Kính gửi: Giám đốc các Trung tâm kiểm dịch

**V/v: Chấp nhận Chứng nhận kết quả phân tích của các
phòng kiểm nghiệm ở nước ngoài**

Nhằm mục đích đơn giản hóa các thủ tục nhập khẩu, theo thông tư số 77 ngày 31/3/1982 về việc “Cải cách quy trình kiểm tra nhập khẩu”, hiện nay Nhật Bản chấp nhận Chứng nhận kết quả phân tích của các phòng kiểm nghiệm ở nước ngoài.

Về Chứng nhận kết quả phân tích được thực hiện tại phòng kiểm nghiệm của một nước khác, không phải là của nước xuất khẩu, chúng tôi chấp nhận kết quả phân tích đối với những nước có khả năng tiếp nhận các điều tra, xử lý khi xảy ra vấn đề.

Việc kết hợp với các phòng kiểm nghiệm ở nước ngoài đã được chúng tôi nêu rõ trong phụ lục gửi kèm, cùng danh mục các phòng kiểm nghiệm ở nước ngoài được chỉ định đã đăng tải trong trang web bên dưới, yêu cầu các Trung tâm kiểm dịch thông báo đến các nhà nhập khẩu và đơn vị liên quan.

Phụ lục: Danh mục các phòng kiểm nghiệm ở nước ngoài

1. Những phòng kiểm nghiệm ở nước ngoài có thể được chấp nhận Chứng nhận kết quả phân tích đối với các thực phẩm, chất phụ gia, bao gói, đồ chơi nhập khẩu từ tất cả các nước, các khu vực.

2. Những phòng kiểm nghiệm ở nước ngoài có thể được chấp nhận Chứng nhận kết quả phân tích đối với các thực phẩm, chất phụ gia, bao gói, đồ chơi nhập khẩu từ một số nước, khu vực nào đó.

Tham khảo: Danh mục các phòng kiểm nghiệm ở nước ngoài được chỉ định.

(Bản dịch tham khảo Công văn số 0401.2 Ngày 1/4/2013)

V/v: Cải tiến quy trình kiểm tra nhập khẩu

Ngày 31/3/1982

Thông tư Kanshoku số 77

Thông báo từ trưởng phòng vệ sinh thực phẩm -

Cục vệ sinh môi trường - Bộ Y tế, lao động và phúc lợi xã hội Nhật Bản

Tới: Các phòng ban chuyên môn về vệ sinh thực phẩm

Tại hội nghị về chính sách kinh tế được tổ chức vào ngày 30/1/1982, có 67 vấn đề được thông qua về các phương án cải tiến. Trong đó, các vấn đề về Luật vệ sinh thực phẩm và các phương án cải tiến đã được nêu rõ trong Thông tư Kanshoku số 30 ngày 5/2/1982. Sau đó bổ sung thêm "Hướng dẫn thực hiện kiểm tra thực phẩm nhập khẩu". Yêu cầu các cơ quan tiếp tục thực hiện.

1. ĐỊNH NGHĨA

Trong hướng dẫn trên, những từ ngữ sau được định nghĩa lần lượt như sau:

- 1) "Thực phẩm v.v.": Bao gồm các loại thực phẩm, chất phụ gia, bao gói chứa đựng thực phẩm và các đồ chơi do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tại điều 29, Luật vệ sinh thực phẩm.
- 2) "Kiểm tra về hành chính": Là công việc kiểm tra được thực hiện bởi các nhân viên giám sát về vệ sinh thực phẩm, theo điều 17 Luật vệ sinh thực phẩm.
- 3) "Phòng kiểm nghiệm chỉ định": Là những phòng kiểm nghiệm được Bộ trưởng Bộ Y tế quy định theo mục 1, mục 2 điều 14; hoặc mục 1, mục 2 điều 15 Luật vệ sinh thực phẩm.
- 4) "Nhà nhập khẩu": Là những tổ chức/ cá nhân nhập khẩu các loại thực phẩm v.v... nói trên.
- 5) "Kiểm tra tự nguyện": Là hình thức kiểm tra do chính nhà nhập khẩu tự nguyện tiến hành tại các phòng kiểm nghiệm được chỉ định.
- 6) "Khai báo": Là hình thức nhà nhập khẩu tiến hành khai báo đối với Bộ trưởng Bộ Y tế, dựa theo điều 16 Luật vệ sinh thực phẩm.

2. ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA GIÁM SÁT

Việc kiểm tra giám sát sẽ được tiến hành theo mức độ ưu tiên được nêu dưới đây. Tuy nhiên, khi có các chỉ thị đặc biệt bằng văn bản hay qua truyền miệng từ Trưởng phòng vệ sinh thực phẩm thì phải tuân theo các chỉ thị đó.

(1) Các thực phẩm gây ra các vấn đề về vệ sinh do xảy ra các sự cố trong quá trình vận chuyển được nêu dưới đây:

- 1) Sự cố do nhiệt của buồng động cơ của tàu chở gây nên.
- 2) Ô nhiễm do xăng dầu.
- 3) Sự cố đóng băng do thay đổi nhiệt độ trên tàu.
- 4) Bị rò rỉ nước biển do tàu chở hỏng hóc.

(Tóm lược)

5. CÁC TRƯỜNG HỢP KIỂM TRA ĐẶC BIỆT (II)

Chấp nhận các kết quả phân tích tại nước xuất khẩu nhằm đơn giản hóa các thủ tục kiểm tra nhập khẩu đối với những trường hợp dưới đây:

(1) Các điều kiện chấp nhận kết quả phân tích

Là những kết quả phân tích được thực hiện tại các phòng kiểm nghiệm có đủ năng lực thực hiện theo phương pháp AOAC và phải là những phòng kiểm nghiệm nêu tại mục 1) và 2) dưới đây. (Tuy nhiên, đối với trường hợp kiểm tra về thành phần các chất phụ gia thực phẩm, phải là kết quả phân tích thực hiện theo phương pháp của Nhật Bản).

- 1) Các phòng kiểm nghiệm của nước xuất khẩu hoặc các tỉnh, thành phố.
- 2) Các phòng kiểm nghiệm được nước xuất khẩu hoặc các tỉnh, thành phố công nhận, chỉ định.

(2) Chấp nhận kết quả phân tích.

Kết quả phân tích tại các phòng kiểm nghiệm nêu tại mục (1) trên được chấp nhận giống với kết quả của các phòng kiểm nghiệm được chỉ định.

Danh sách các phòng kiểm nghiệm này được thông báo trong văn bản gửi kèm.

(3) Ngoài ra.

Trường hợp kiểm tra các chỉ tiêu do thay đổi tình trạng vệ sinh trong quá trình vận chuyển bằng tàu thủy hay máy bay như các chỉ tiêu vi khuẩn, mycotoxin sẽ không áp dụng nội dung trên.

6. CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC

(1) Trừ các trường hợp được công nhận là thực phẩm (không bao gồm các loại phụ gia) được sử dụng cho mục đích kinh doanh (bao gồm trường hợp cho, tặng ngoài mục đích kinh doanh đối với số lượng lớn cá nhân không xác định), những thực phẩm dưới 10kg được coi là sử dụng cho cá nhân hoặc mục đích nghiên cứu nên không cần tờ khai nêu tại điều 16 của Luật vệ sinh thực phẩm.

Mặt khác, các thực phẩm (không bao gồm các loại phụ gia) được sử dụng cho cá nhân hoặc mục đích nghiên cứu, nếu vượt quá 10 kg nhưng vẫn xác minh được là thực phẩm sử dụng cho cá nhân hoặc mục đích nghiên cứu thì vẫn không cần tờ khai nêu tại điều 16 của Luật vệ sinh thực phẩm.

(2) Đối với các sản phẩm dưới đây, loại trừ các trường hợp được công nhận là thực phẩm, cũng không cần tờ khai nêu tại điều 16 của Luật vệ sinh thực phẩm.

1) Muối nguyên liệu

2) Cồn dạng thô

3) Đường hoặc mật ong dạng thô

(3) Đối với các mặt hàng dưới đây, về nguyên tắc sau khi trình tờ khai, sẽ được thẩm tra các nội dung của tờ khai, nếu không có sai sót sẽ được nhanh chóng trả lại bản sao cho nhà nhập khẩu.

1) Các loại rượu như Whisky, Brandy...

(Tóm lược)

(Dịch tóm lược nội dung liên quan tại Thông tư 77)

(Provisional translation: Original Japanese)

I appreciate your understanding and cooperation regarding the food sanitation administration of our country.

In order to simplify and expedite the import procedures, the Ministry of Health, Labour and Welfare has been accepting certificate of analysis issued by an official inspection Organizations in Other Countries that has been registered by the government of the exporting country (hereafter “inspection institute”) for the import procedure at the quarantine station.

(except for tests that may change in course of transportation such as microbiological and mycotic test items)

Currently, this system accepts certificate of analysis of foods exported to Japan only from the countries or regions where the inspection institute which issued the certificate of analysis is located. However, after April of this year, the certificate of analysis issued in your country will be accepted even when the foods is produced, manufactured, and exported in other countries, only if your government is able to refer and inquire in case any problem occurs.

In case your government is able to manage the procedure mentioned above, please reply so by March 15.

(reference: the system of official inspection Organizations in Other Countries)

The URLs below describe the system and the list of official inspection institute of the exporting countries.

- Description of the system:
<http://www.mhlw.go.jp/english/topics/importedfoods/1-5.html>
- List of institutions: <http://www.mhlw.go.jp/topics/yunyu/5/index.html>

Systems for Simplified and Expedited Systems of Import Procedures of Food and Related Items

Name	System
Advance Notification System	For all food and related products, the import notification form can be submitted starting 7 days before the estimated date of cargo's arrival. Except for the cargo that needs an inspection, a copy of certificate of notification is issued immediately, either before the arrival of cargo or after the cargo is unloaded to the bonded area.
Planned Import system	If a certain food or related item is planned to be imported repeatedly, an import plan can be submitted at the time of the first import. When the plan is found satisfactory, the submission of import notification is exempted for a certain period.
Inspection Results by official Inspection Organizations in Other Countries	When a cargo is inspected by an official inspection organization in the exporting country prior to the export, and a report of the result from the inspection is attached to the cargo, the inspection at the quarantine station for the cargo may be exempted. Inspection items whose results are subject to change during transportation (bacteria, mycotoxin, etc.) are excluded. (To Specifications and Standards for Food, Food Additives, etc. of JETRO Home Page(? JETRO's Home Page on Information of Food and Additive Regulations and Standards: http://www.jetro.go.jp/en/reports/regulations/)
Continuous Import of Same Items	When certain foods and related products are imported repeatedly and inspection results are attached to the import notification form at the initial import, if document examination finds no problem, inspection can be exempted in the upcoming occasions of import for a certain period.
Advance Approval of Imported Foods and related Products	When the imported foods, etc. is confirmed to be compliance with the Food Sanitation Law, the items and the manufacturers may be registered. Inspection at the upcoming import is exempted for these items for a certain period of time and the certificate of notification is issued immediately after the submission of import notification.

食安輸発0401第2号
食安検発0401第4号
平成25年4月1日

各検疫所長 殿

医薬食品局食品安全部
監視安全課輸入食品安全対策室長
(公印省略)

企画情報課検疫所業務管理室長
(公印省略)

外国公的検査機関が発行する試験成績書の受入れについて

標記については、輸入手続きの簡素化を図る目的で昭和57年3月31日付け環食第77号「輸入検査手続き等の改善について」により、外国公的検査機関が発行する試験成績書について受け入れているところです。

今般、輸出国ではない第3国で検査を実施した試験成績書について、輸出国で検査をした場合と同様に受入れるよう要望を受けたことから、問題発生時の対応が可能な国について対応することとしました。

つきましては、外国公的検査機関の取扱いについては、今後、別添のとおりとしましたので御了知の上、輸入者等関係者への周知方よろしくお願いします。

なお、外国公的検査機関リストについては下記URLに掲載しておりますので、あわせて輸入者等関係者への周知方よろしくお願いします。

(別添) 外国公的検査機関リスト

1. すべての国・地域から輸出された食品・添加物・器具容器包装・おもちゃの試験成績書について、検疫所において受け入れ可能とする外国公的検査機関
2. 当該国・地域から輸出された食品・添加物・器具容器包装・おもちゃの試験成績書について、検疫所において受け入れ可能とする外国公的検査機関

(参考) 外国公的検査機関リスト

<http://www.mhlw.go.jp/topics/yunyu/5/index.html>

ベトナム社会主義共和国 (Socialist Republic of Viet Nam)

検査機関名 (Name)	検査機関住所 (Address)	コード
A 公的検査機関 (Official laboratories)		
1 National Agro-Forestry-Fisheries Quality Assurance Department Branch 1 (NAFIQAD Branch 1)	51 Le Lai Street, Ngo Quyen District, Hai Phong City, Vietnam	VN10001
2 National Agro-Forestry-Fisheries Quality Assurance Department Branch 2 (NAFIQAD Branch 2)	31 Ngu Hanh Son Street, Ngu Hanh Son District, Da Nang City, Vietnam	VN10002
3 National Agro-Forestry-Fisheries Quality Assurance Department Branch 3 (NAFIQAD Branch 3)	779 Le Hong Phong Street, Phuoc Long Ward, Nha Trang City, Khanh Hoa Province, Vietnam	VN10003
4 National Agro-Forestry-Fisheries Quality Assurance Department Branch 4 (NAFIQAD Branch 4) (Microbiological department)	30 Ham Nghi Street, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam	VN10004
5 National Agro-Forestry-Fisheries Quality Assurance Department Branch 4 (NAFIQAD Branch 4) (Chemical department)	356/21 Bach Dang Street, Ward 14, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam	VN10005
6 National Agro-Forestry-Fisheries Quality Assurance Department Branch 5 (NAFIQAD Branch 5)	57 Phan Ngoc Hien Street, Ward 6, Ca Mau City, Ca Mau Province, Vietnam	VN10006
7 National Agro-Forestry-Fisheries Quality Assurance Department Branch 6 (NAFIQAD Branch 6)	386C Cach Mang Thang 8 Street, Bui Huu Nghia Ward, Binh Thuy District, Can Tho City, Vietnam	VN10007

トップ	法令通知	添加物	残留基準	輸出国検査機関	違反事例	ミネラルウォーター
AOAC	ハイライト表示	AOAC				

◇輸入検査手続き等の改善について

- 別添 輸入食品等検査実施指針
- 1 定義
 - 2 検査対象
 - 3 検査項目
 - 4 検査の特例(I)
 - 5 検査の特例(II)
 - 6 その他
 - 7 運用上の注意
 - 8 施行期日

◇輸入検査手続き等の改善について

昭和57年3月31日
環食第77号
各食品衛生専門官(係長・主査)宛
厚生省環境衛生局食品衛生課長通知

標記については、昭和57年1月30日に開催された経済対策閣僚会議において67事例について改善措置を講ずる旨決定されたところであり、このうち食品衛生法関連の事例については、その処理方針を昭和57年2月5日環食第30号にて通知したところであるが、今般別添のとおり「輸入食品等検査実施指針」を定めたので、その運用について遺漏なきようされたい。

〔関連通知〕

生食用輸入食肉の取り扱いについて (昭62.7.10厚生省生活衛生局乳肉衛生課事務連絡)

別添 輸入食品等検査実施指針

1 定義

本指針において、次の各号に掲げる用語の意義は、当該各号に定めるところによる。

- ① 「食品等」 食品、添加物、器具、容器包装及び食品衛生法第29条の規定に基づき厚生大臣の指定するおもちゃ。
- ② 「行政検査」 食品衛生法第17条に基づいて食品衛生監視員が行う検査。
- ③ 「指定検査機関」 食品衛生法第14条第1項若しくは第2項又は第15条第1項若しくは第2項の規定に基づいて厚生大臣の指定を受けた者。
- ④ 「輸入者」 食品等を輸入しようとする者。
- ⑤ 「自主検査」 指定検査機関において輸入者が自主的に行う検査。
- ⑥ 「届出」 食品衛生法第16条の規定に基づいて輸入者が行う厚生大臣に対する届出。

2 検査対象

検査は次に掲げるものに対して優先的に行うこととする。ただし別途食品衛生課長等より文書により通知又は口頭により指示する場合にあつては、それに従って行うこと。

- (1) 輸送途中において発生した次に掲げる事故等により衛生上の問題がある食品等。
 - 1) 船舶のエンジンルームの熱による事故。
 - 2) 重油による汚染。
 - 3) 航海途上における気温の変化によって生じる結露による事故。
 - 4) 船舶破損に伴う海水による濡れ。

- ① 輸入しようとする食品と同一食品が、過去に行政検査に合格し、又は自主検査を行った検査結果が食品衛生法の規定に適合している旨食品衛生監視員により確認された際の輸入の届書のコピー
- ② 製造方法（製造方法が明らかなものを除く。）
- ③ 成分表
- ④ ①の自主検査を行った場合は、自主検査成績書のコピー（ただし、6か月以内に実施されたものに限る。）

5 検査の特例(Ⅱ)

次の要領により輸出国における検査結果を受け入れることにより、検査の簡素化を図ることとする。

(1) 検査結果受入れの条件

A O A C法による検査を実施する能力を有する検査機関であって次の①又②に該当する検査機関が実施した検査結果。

（ただし食品添加物の成分規格試験は、日本の公定法により実施した検査結果であること。）

- ① 輸出国又は州直轄の検査機関
- ② 輸出国又は州が認定、指定等を行っている検査機関

(2) 検査結果受入れ

上記(1)の検査機関による検査結果は指定検査機関の結果と同等に取り扱う。

なお当該検査機関のリストは別途通知する。

(3) その他

船舶又は航空機による輸送途中に衛生状態が変化するおそれのある検査事項(細菌、マイコトキシン等)については、上記検査結果の受入れから除外する。

6 その他

- (1) 食品等（添加物を除く。）であって、販売（不特定多数の者に対する販売以外の授与を含む。）の用に供し又は営業上使用することが明白な場合を除いて、10kg以下のものについては個人用又は試験研究用として判断されるので同法第16条の届出を不要として取り扱って差し支えない。

また個人用又は試験研究用の食品等（添加物を除く。）については、10kgを超えるものであっても、個人用又は試験研究用と確認されれば同法第16条の届出が不要として取り扱って差し支えないこと。

- (2) 次の品目については、明らかに食品と認定されるものを除き食品衛生法第16条による届出を不要として取り扱って差し支えない。

- ① 原 塩
- ② 粗溜アルコール
- ③ 粗糖又は糖みつ

- (3) 次の品目については原則として届出後速やかに届書の記載事項を審査し、記載事項に不備がなく、かつ検査の必要性のないもの等特に問題ない貨物については速やかに届書の写を輸入者に返還すること。

- ① ウイスキー、ブランディー等の蒸留酒